TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/**2024/DS-ST
Ngày: 11/10/2024
V/v *"Tranh chấp hụi"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Võ Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 218/2024/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu V** (N), sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc V1**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Xuân P**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, Bản tự khai ngày 15/7/2024, Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày như sau:*

Bà và bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có quan hệ bà con xa, vừa là hàng xóm, vừa là chỗ quen biết, làm ăn lâu năm của nhau. Cho nên trước đây, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 01: Hụi khui ngày 10/10/2021 âm lịch, nhằm ngày 14/11/2021 dương lịch, hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, hụi gồm có 26 phần, bà Ngọc V1 chơi 02 phần, hụi mãn vào ngày 10/10/2023 âm lịch.

Phần thứ 1, bà Ngọc V1 hốt ngày 10/01/2022 âm lịch (10/02/2022 dương lịch), sau đó đóng lại cho tôi được 01 kỳ hụi với số tiền 5.000.000 đồng thì bà Ngọc V1 không đóng nữa, nên bà Ngọc V1 còn nợ lại bà 2 kỳ hụi.

Phần thứ 2, bà Ngọc V1 hốt hụi ngày 10/02/2022 âm lịch (12/3/2022 dương lịch), nên bà Ngọc V1 còn nợ lại bà 2 kỳ hụi.

Sau khi bà Ngọc V1 hốt hụi, không đóng lại cho bà, nên bà phải choàng hụi thay bà Ngọc V1 trong dây hụi này với tổng số tiền là 21 kỳ x 2 phần x 5.000.000 đồng = 210.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 02: Hụi khui ngày 15/01/2021 âm lịch, nhằm ngày 26/02/2021 dương lịch, hụi mệnh giá 3.000.000 đồng, hụi gồm có 28 phần, bà Ngọc V1 tham gia 02 phần, hụi mãn vào ngày 15/3/2023 âm lịch.

Phần thứ 1, bà Ngọc V1 hốt hụi ngày 15/01/2021 âm lịch, nhằm ngày 26/02/2021 dương lịch, sau khi hốt thì bà Ngọc V1 đóng lại cho bà được 10 kỳ hụi thì không đóng nữa nên còn nợ bà 1 kỳ hụi.

Phần thứ 2, bà Ngọc V1 hốt hụi ngày 15/4/2021 âm lịch, tức ngày 26/5/2021 dương lịch, bà Ngọc V1 hốt xong thì đóng lại cho bà 6 kỳ hụi với số tiền 18.000.000 đồng, nên phần này bà Ngọc V1 còn nợ lại bà 1 kỳ hụi.

Sau khi bà Ngọc V1 hốt hụi, không đóng lại cho bà nên bà phải choàng hụi thay bà Ngọc V1 trong dây hụi này với tổng số tiền là 17 kỳ x 2 phần x 3.000.000 đồng = 102.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 03: Hụi khui ngày 20/11/2020 âm lịch tức ngày 04/12/2020 dương lịch, hụi mệnh giá 3.000.000 đồng, hụi có 27 phần, hụi mãn vào ngày 20/01/2023 âm lịch, bà Ngọc V1 tham gia 01 phần, đến ngày 20/5/2021, tức

ngày 29/6/2021 thì bà Ngọc V1 hốt hụi, sau khi hốt bà Ngọc V1 đóng lại cho bà được 09 kỳ hụi với số tiền 27.000.000 đồng, nên bà Ngọc V1 còn nợ lại bà 11 kỳ. Sau khi bà Ngọc V1 hốt hụi, không đóng lại cho bà nên bà phải choàng hụi thay bà Ngọc V1 trong dây hụi này với tổng số tiền là 11 kỳ x 1 phần x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 04: Hụi khui ngày 25/9/2020 âm lịch, tức ngày 10/11/2020 dương lịch, hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, hụi gồm có 25 phần, hụi mãn vào ngày 25/10/2022 âm lịch, bà Ngọc V1 tham gia 01 phần đến ngày 25/01/2021 âm lịch tức ngày 08/3/2021 dương lịch, bà Ngọc V1 hốt hụi, sau khi hốt thì đóng lại cho bà được 10 kỳ với số tiền 20.000.000 đồng, nên bà Ngọc V1 còn nợ bà 09 kỳ hụi. Sau khi bà Ngọc V1 hốt hụi, không đóng lại cho bà nên bà phải choàng hụi thay bà Ngọc V1 trong dây hụi này với tổng số tiền là 09 kỳ x 01 phần x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 05: Hụi khui ngày 05/9/2020 âm lịch tức ngày 21/10/2020 dương lịch, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 05/9/2023 âm hụi gồm có 37 phần, đến ngày 05/10/2021 âm lịch tức ngày 08/12/2021 dương lịch thì bà Ngọc V1 hốt hụi, sau khi hốt bà Ngọc V1 có đóng hụi lại cho bà 3 kỳ hụi với số tiền 3.000.000 đồng nên bà Ngọc V1 còn nợ bà 2 kỳ hụi. Sau khi bà Ngọc V1 hốt hụi, không đóng lại cho bà nên bà phải choàng hụi thay bà Ngọc V1 trong dây hụi này với tổng số tiền là 21 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 phần = 21.000.000 đồng

Vậy, tính đến ngày xét xử, số tiền mà bà đã choàng hụi cho bà Ngọc V1 là dây 01 (210.000.000 đồng) + dây 02 (102.000.000 đồng) + dây 03 (33.000.000 đồng) + dây 04 (18.000.000 đồng) + dây 05 (21.000.000 đồng) = 384.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Vào ngày 10/02/2022 âm lịch tức ngày 12/3/2022 dương lịch, sau khi bà Ngọc V1 hốt hụi thì bỏ đi khỏi địa phương do nợ nhiều người, từ đó bà phải vay mượn nhiều nơi để choàng hụi cho bà Ngọc V1. Sau khi trở về địa phương thì bà Ngọc V1 có đóng lại cho bà được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Do đó, bà Thu V có yêu cầu tính lãi số tiền trên với lãi suất 10%/năm từ ngày 12/3/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử (11/10/2024). Cụ thể: 381.000.000 đồng x 10%/năm x 30 tháng 29 ngày = 98.320.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Xuân P là chồng bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ở chung nhà, hiện quan hệ hôn nhân vẫn còn, bà Ngọc V1 chơi hụi có thu nhập để chăm lo cuộc sống gia đình nên bà cũng yêu cầu ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ngọc V1 liên đới trả số nợ trên.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 12/3/2022 cho đến ngày xét xử (11/10/2024) với số tiền là 98.320.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2024, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 trình bày như sau:*

Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi đúng như lời trình bày, Đơn khởi kiện và các Giấy giao hụi mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V cung cấp. Bà thừa nhận các chữ ký trong Giấy hụi đều là của bà. Bà thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Thu V số tiền hụi 384.000.000 đồng như Đơn khởi kiện của bà Thu V. Trước đây, bà làm ăn không thuận lợi nên đã bỏ đi khỏi địa phương một thời gian từ ngày 12/3/2022, từ đó đến nay bà không có đóng hụi tiếp cho bà Thu V nên bà Thu V choàng hụi đến khi mãn, bà có biết việc này. Sau khi trở về địa phương thì bà có đóng lại cho bà Thu V được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Nay, qua yêu cầu khởi kiện của bà Thu V thì bà thừa nhận còn nợ bà Thu V số tiền hụi 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng), bà không đồng ý tính lãi số tiền trên vì hai bên không có thỏa thuận tính lãi tiền chậm đóng hụi. Đối với yêu cầu ông Nguyễn Xuân P là chồng bà liên đới trả nợ thì bà không đồng ý vì ông P chỉ biết bà chơi hụi chứ không biết cụ thể ra sao. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2024, bà Ngọc V1 trình bày đối với nguồn thu nhập khi chơi hụi thì bà sẽ dùng để chăm lo, trang trải cuộc sống gia đình của hai vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Ngọc V1 trình bày việc chơi hụi này để bà dùng tiền vào cho vay, mua bán tôm, cá khi có thu nhập sẽ lo cho gia đình.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Xuân P các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Xuân P vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Nguyễn Xuân P.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 12/3/2022 cho đến ngày xét xử (11/10/2024) với số tiền là 98.320.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P liên đới trả nợ hụi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn ngày 20/02/2024 của Công an xã T thì bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có đăng ký thường trú tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông P là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[6] Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện cho rằng có cho bà Nguyễn Thị Ngọc V1 có chơi hụi do bà làm chủ và còn nợ lại số tiền hụi là 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng). Căn cứ khởi kiện là 07 Phiếu giao hụi (bút lục 36-42).

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc V1 thừa nhận có chơi hụi do bà Nguyễn Thị Thu V làm chủ và còn nợ lại số tiền hụi 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng). Đây là sự thừa nhận của các bên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường quy định:

Về nghĩa vụ thành viên dây hụi: "*Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác*".

Vậy, việc bà Nguyễn Thị Ngọc V1 là hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng hụi lại những phần hụi tiếp theo đến khi kết thúc dây hụi là đã vi phạm nghĩa vụ thành viên dây hụi.

Do đó, bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc V1 có nghĩa vụ trả số tiền hụi 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị Ngọc V1 trả tiền nợ hụi.

Xét thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 thừa nhận, việc chơi hụi có thu nhập sẽ dùng để trang trải cuộc sống gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Ngọc V1, ông Xuân P vẫn còn tồn tại. Do đó, bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu ông Nguyễn Xuân P, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ hụi là có cơ sở, phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu tính lãi suất số tiền nợ hụi của bà Nguyễn Thị Ngọc V1 là 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu đồng) từ ngày 12/3/2022 đến ngày xét xử vụ án, do bà Nguyễn Thị Ngọc V1 chậm góp hụi. Bà Nguyễn Thị Ngọc V1 không đồng ý vì khi chơi hụi không có thỏa thuận tính lãi.

Xét thấy: Các dây hụi của bà Nguyễn Thị Ngọc V1 khi tham gia chơi hụi các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, dây là dây hụi không có lãi.

Điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường quy định:

"*Trường hợp họ không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp*".

Thấy rằng, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 là hụi viên đã hốt hụi, sau đó bỏ đi khỏi địa phương, không tiếp tục đóng hụi các phần còn lại của dây hụi đến mãn và từ khi bà Ngọc V1 trở về cũng không đóng lại các phần hụi này do chủ hụi bà Thu V đã choàng thay. Từ những cơ sở trên thấy rằng, yêu cầu tính lãi số tiền nợ hụi của Nguyễn Thị Thu V từ ngày 12/3/2022 đến ngày xét xử vụ án (11/10/2024) phù hợp với các quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 22, Điều 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể:

381.000.000 đồng x (30 tháng 29 ngày) x 10%/năm = 98.320.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Vậy, tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu V là 479.320.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), bao gồm 381.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tiền nợ hụi, 98.320.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi .

[9] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu án phí; bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

479.320.000 đồng = 20.000.000 đồng + 79.320.000 đồng x 4% = 23.172.800 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 16, Điều 21, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V đối với bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P về việc "Tranh chấp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số 479.320.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), bao gồm 381.000.000 đồng (Ba trăm tám

mươi mốt nghìn đồng) tiền nợ hụi, 98.320.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc V1, ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 23.172.800 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng).

H lại cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền án phí đã nộp là 11.074.658 (Mười một triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005792 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Xuân P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ